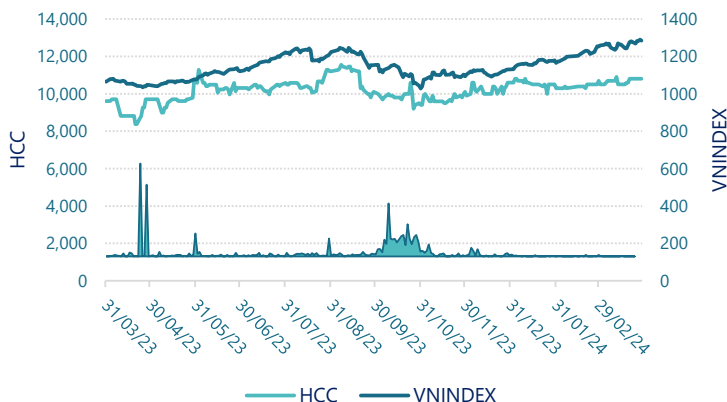




CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX (HNX: HCC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	10,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,553
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,378
SL cổ phiếu LH	6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,133
% sở hữu nước ngoài	12.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
P/E	8.2
EPS	1,316

DT thuần

Q1/24

54.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.40 | -9.1%

YoY: ▲1.20 | 2.2%

LN sau thuế

Q1/24

1.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.63 | 93.1%

YoY: ▼0.56 | -29.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

5.5%

+/- YoY: ▲0.5%

DT thuần

2023

234

tỷ VNĐ

YoY: ▼49.0 | -17.4%

LN sau thuế

2023

9.13

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.17 | -11.4%

ROE

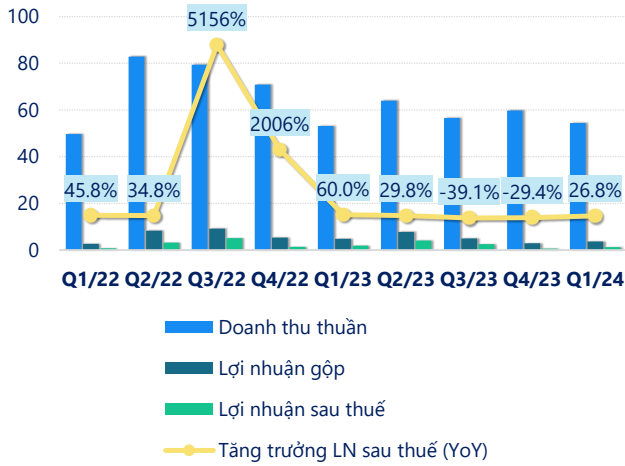
2023

11.2%

+/- YoY: ▼2.0%

tỷ VNĐ

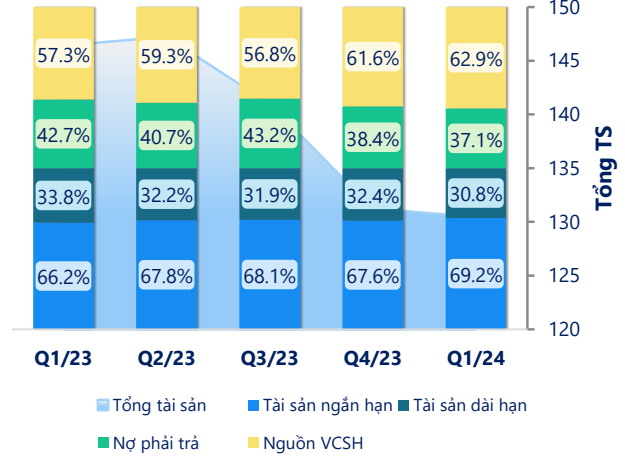
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

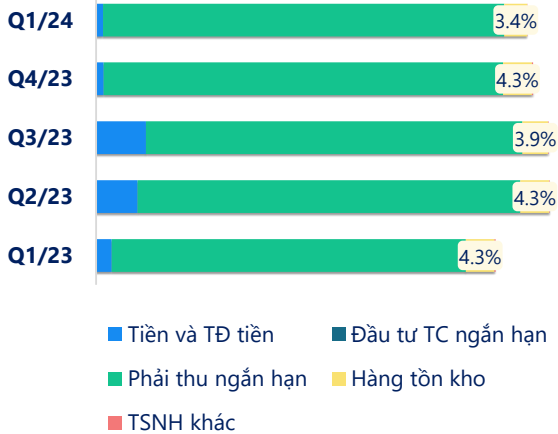
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



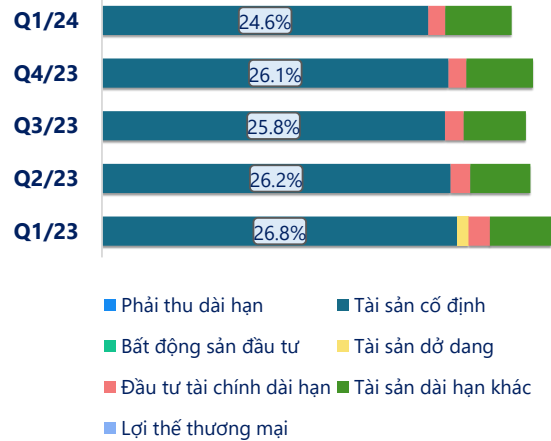
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

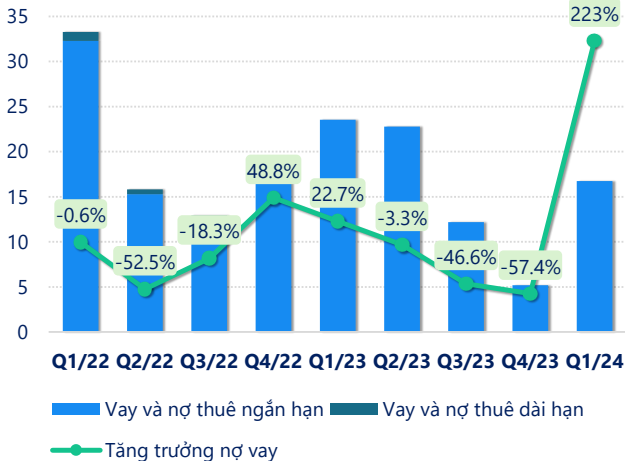
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

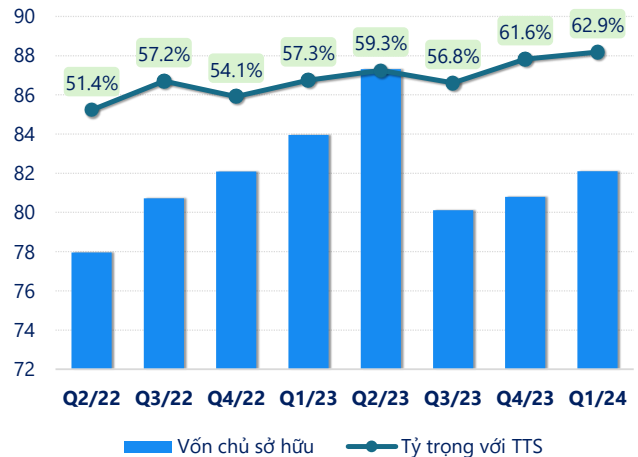
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

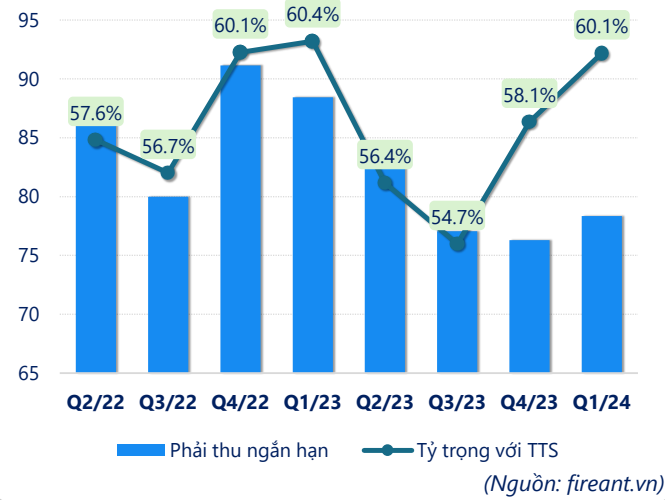
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

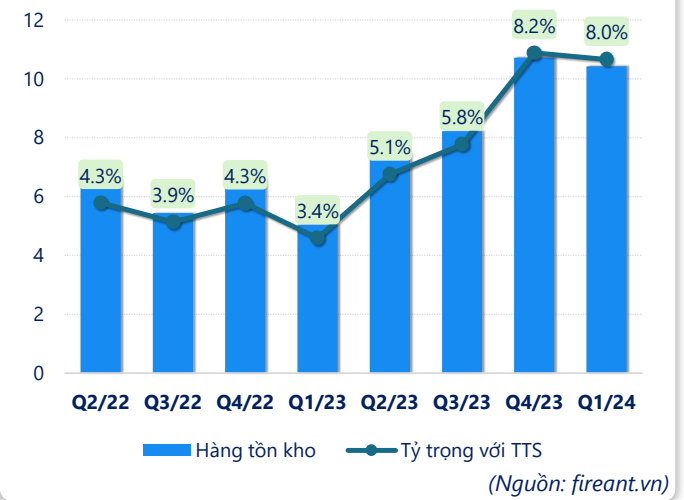


(Nguồn: fireant.vn)

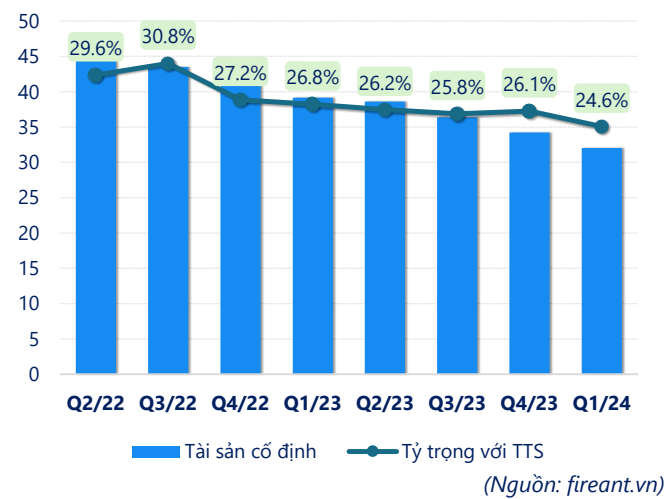
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


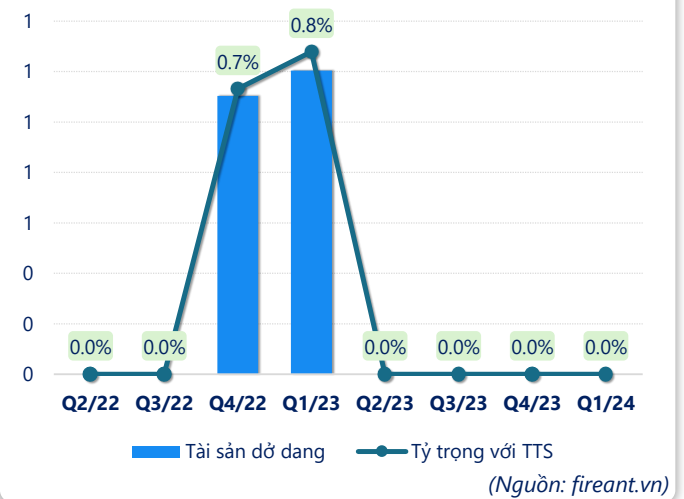
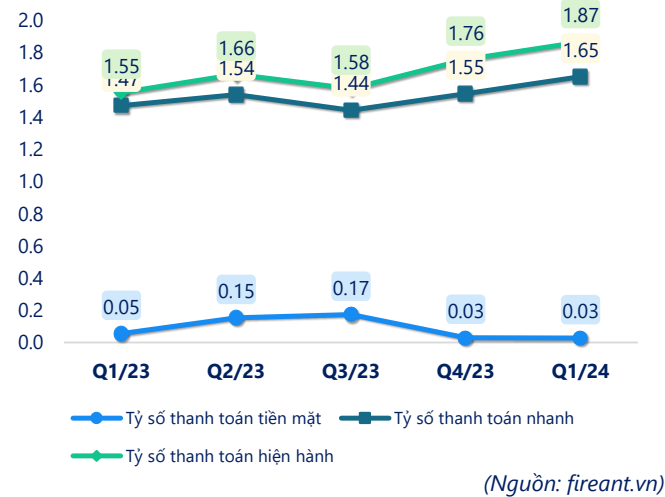
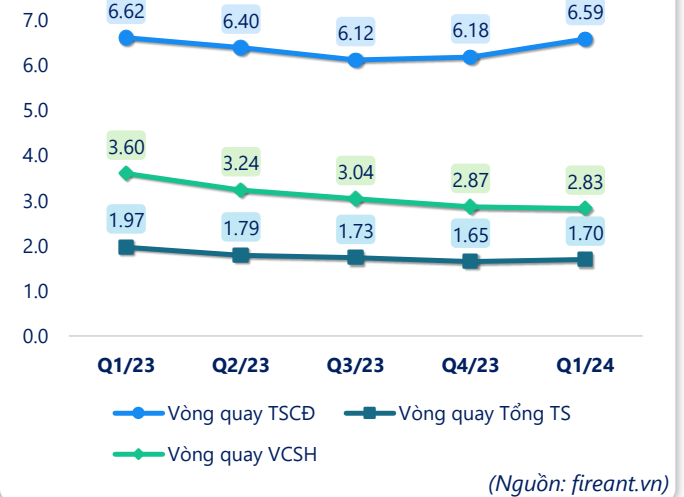
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	146	147	141	131	130
Tài sản ngắn hạn	96.9	99.8	96.0	88.7	90.2
Tiền và tương đương tiền	3.42	9.19	10.6	1.52	1.34
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	88.4	83.0	77.1	76.3	78.4
Hàng tồn kho	5.04	7.46	8.22	10.7	10.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.10	0.17	0.17	0.13
Tài sản dài hạn	49.5	47.5	45.0	42.6	40.2
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	39.2	38.6	36.4	34.2	32.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.20	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.36	2.18	1.97	1.76	1.66
Tài sản dài hạn khác	6.74	6.68	6.62	6.57	6.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	62.5	59.9	60.9	50.5	48.4
Nợ ngắn hạn	62.5	59.9	60.9	50.5	48.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.5	22.8	12.2	5.18	16.7
Phải trả người bán ngắn hạn	33.7	30.3	32.4	38.2	27.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	84.0	87.3	80.1	80.8	82.1
Vốn chủ sở hữu	84.0	87.3	80.1	80.8	82.1
Vốn điều lệ	65.2	65.2	65.2	65.2	65.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)